

Bản án số: 383/2024/DS-PT
Ngày: 22 - 7 - 2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 295/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T.

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh X. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng A, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: C tổ A, khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Ngân G, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. **Người kháng cáo:** bị đơn ông Nguyễn Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T là người sử dụng điện của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T (viết tắt HTX). Năm 2005 và năm 2020 ông T có ký hợp đồng mua bán điện sinh hoạt với HTX. Theo hợp đồng thì HTX sẽ cung cấp điện sinh hoạt cho ông T với giá điện được chia làm nhiều mức khác nhau theo hệ số từ 1 đến 7 được thể hiện trong hóa đơn tiền điện khách hàng thời hạn thanh toán tiền điện hàng tháng là 05 ngày kể từ ngày HTX ra thông báo thanh toán hình thức thanh toán bằng tiền mặt. Trong quá trình tiêu thụ điện ông T đã nợ tiền điện tiêu thụ của hợp tác xã cụ thể:

- Hợp đồng ngày 09/12/2005 có mã số khách hàng T28.057 số điện năng tiêu thụ từ ngày 12/4/2015 đến ngày 11/8/2016 là 2.197Kwh, thành tiền là 3.886.270 đồng có bảng kê hóa đơn tiền điện kèm theo. Từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2018 kết thúc buổi làm việc giữa UBND xã T với HTX và khách hàng sử dụng điện có chốt được chỉ số để tính tiền điện là 2.321Kwh, thành tiền là 3.933.741 đồng.

- Hợp đồng ngày 13/8/2020 có mã số khách hàng T28.099 số điện năng tiêu thụ từ ngày 12/8/2021 đến ngày 11/2/2023 là 9.013Kwh, thành tiền là 23.705.870 đồng có bảng kê hóa đơn tiền điện kèm theo.

Ngày 12/9/2023, HTX có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông T trả thêm số tiền điện có mã số khách hàng T28.057 số điện năng tiêu thụ từ tháng 7/2018 đến ngày 24/7/2023 thành tiền là 28.957.380 đồng có bảng kê hóa đơn tiền điện kèm theo.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bị đơn có mua điện của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T sử dụng là 02 hợp đồng vào năm 2005 và năm 2020. Bị đơn vẫn cho HTX vào ghi điện chứ không có hành vi cản trở. Bị đơn vẫn đồng ý trả tiền điện cho HTX nhưng với số tiền nguyên đơn yêu cầu là chưa phù hợp khi nào bị đơn thấy phù hợp sẽ đóng tiền. Khi nào bị đơn ký hợp đồng với Đ mới đóng tiền điện cho HTX.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 513 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T số tiền điện còn nợ là 60.483.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T yêu cầu ông T phải chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn ghi chỉ số điện tiêu thụ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 24 tháng 4 năm 2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền điện trong hợp đồng ngày 13/8/2020 quá cao, yêu cầu trả về cho ông sử dụng điện của lưới điện quốc gia.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Đại diện ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của ông T yêu cầu trả giảm 5.000.000 đồng còn lại 55.483.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng với điều kiện phải chuyển cho ông T qua sử dụng điện của lưới điện quốc gia, không được nguyên đơn đồng ý. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông T không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T với bị đơn ông Nguyễn Văn T là tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” đúng theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T với bị đơn ông Nguyễn Văn T là đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của ông T yêu cầu trả giảm 5.000.000 đồng còn lại 55.483.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng với điều kiện phải chuyển cho ông T qua sử dụng điện của lưới điện quốc gia.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T: Căn cứ vào hợp đồng ngày 09/12/2005 có mã số khách hàng T28.057 số điện năng tiêu thụ từ ngày 12/4/2015 đến ngày 11/8/2016 là 2.197Kwh, thành tiền là 3.886.270 đồng có bảng kê hóa đơn tiền điện kèm theo. Từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2018 kết thúc buổi làm việc giữa Ủy ban nhân dân xã T với Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T và khách hàng sử dụng điện có chốt được chỉ số để tính tiền điện là 2.321Kwh,

thành tiền là 3.933.741 đồng và số điện năng tiêu thụ từ tháng 7/2018 đến ngày 24/7/2023 thành tiền là 28.957.380 đồng.

- Hợp đồng ngày 13/8/2020 có mã số khách hàng T28.099 số điện năng tiêu thụ từ ngày 12/8/2021 đến ngày 11/2/2023 là 9.013Kwh, thành tiền là 23.705.870 đồng có bảng kê hóa đơn tiền điện kèm theo.

Tổng số tiền điện ông T còn nợ hợp tác xã là 60.483.393 đồng. Ông T là người sử dụng điện nhưng ông T không trả tiền điện hàng tháng theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng theo quy định tại Điều 515 Bộ luật Dân sự. Do đó án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T phải thanh toán số tiền điện còn nợ là đúng theo quy định tại Điều 515, 519 Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của ông T yêu cầu trả giảm 5.000.000 đồng còn lại 55.483.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, không được đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng ý.

Ngoài ra đại diện ủy quyền của bị đơn ông T đồng ý trả tiền với điều kiện phải chuyển cho ông T qua sử dụng điện của lưới điện quốc gia. Việc ông T muốn sử dụng điện của lưới điện Quốc gia thì ông T liên hệ và được sự đồng ý của đơn vị cung cấp lưới điện Quốc gia đồng ý thì ông T chuyển, vì việc sử dụng dịch vụ cung ứng điện là do sự thỏa thuận của bên mua và bên bán và tại phiên tòa thì người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày khi ông T trả xong tiền điện và chấm dứt hợp đồng với Hợp tác xã thì Hợp tác xã sẽ có thông báo chấm dứt cung cấp điện cho ông T để ông T liên hệ xin sử dụng điện của lưới điện quốc gia. Do đó ông T yêu cầu ông trả tiền với điều kiện phải chuyển ông qua sử dụng điện của lưới điện Quốc gia là không có căn cứ.

Từ những căn cứ phân tích yêu cầu kháng cáo của ông T không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các Điều 513 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T số tiền điện còn nợ là 60.483.000đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T yêu cầu ông T phải chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn ghi chỉ số điện tiêu thụ.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định. H lại ông T 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015262 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

H lại cho Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T 1.808.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011420 ngày 24/5/2023 và biên lai thu số 0012823 ngày 15/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền